

VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRONG SGK NGỮ VĂN 7 (2018) VÀ ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU

Đỗ Thị Thu Hương¹, Nguyễn Đức Huỳnh¹

Tóm tắt: Văn bản nghị luận là loại văn bản trong đó, người viết dùng những lí lẽ, dẫn chứng và những hiểu biết của mình để giảng giải, phân tích, đánh giá, nhận xét hay biện luận một vấn đề nào đó thuộc lĩnh vực tư tưởng, xã hội hay văn học, nhằm làm cho người đọc hiểu và tin vào vấn đề, tiến tới có những hành động theo vấn đề. Trong Chương trình Ngữ văn 2018, văn bản nghị luận được đưa vào giảng dạy từ lớp 6 với những văn bản nghị luận đơn giản. Đến lớp 7, học sinh tiếp tục được học văn bản nghị luận với những kiểu bài đa dạng hơn, phức tạp hơn. Việc hiểu rõ đặc điểm của kiểu văn bản này trong SGK Ngữ văn 7 sẽ giúp ích rất lớn cho giáo viên trong việc giảng dạy loại văn bản này. Với ý nghĩa đó, bài viết tập trung chỉ ra những điểm giống và khác nhau về nội dung dạy học văn bản nghị luận trong SGK Ngữ văn 7 ở cả ba bộ sách **Cánh diều**, **Chân trời sáng tạo**, và **Kết nối tri thức với cuộc sống**. Từ đó, đề xuất các định hướng dạy học đọc hiểu phù hợp với đặc trưng thể loại của kiểu văn bản này. Bài viết sử dụng các phương pháp và thủ pháp sau: Phương pháp miêu tả, phương pháp phân tích và thủ pháp thống kê, phân loại.

Từ khóa: đặc điểm, văn bản, nghị luận, SGK Ngữ văn 7, định hướng, dạy học, đọc hiểu.

1. MỞ ĐẦU

Văn bản nghị luận là một thể văn có truyền thống lâu đời, có giá trị và tác dụng vô cùng to lớn trong đời sống. Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, văn nghị luận là công cụ đắc lực của các nhà chính trị, nhà tư tưởng, nhà văn trên mặt trận văn hoá – chính trị - ngoại giao. Ngòi bút chính luận của họ đã góp phần phản ánh ý chí và tinh thần của ông cha ta trong công cuộc giữ nước và dựng nước; phản ánh nhận thức thâm mĩ của dân tộc về văn chương và nghệ thuật; đồng thời, cổ vũ tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân lao động. Trong thời kì hoà bình, dựng xây đất nước, văn nghị luận cũng góp phần lớn lao vào sự phát triển chung của quốc gia, dân tộc; góp phần đấu tranh chống lại mọi âm mưu của các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước; phát huy giá trị bản sắc văn hoá dân tộc trong thời đại mới. Chính vì vậy, việc đưa văn bản nghị luận vào giảng dạy trong nhà trường phổ thông ngay từ cấp THCS là cực kì cần thiết, giúp trang bị cho người học một công cụ giao tiếp vô cùng hữu ích.

Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 chủ trương dạy học ba loại văn bản: văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Trong ba loại văn bản đó,

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

văn bản nghị luận là loại văn bản khó dạy hơn cả do đặc trưng về tính lô gic. Ngay từ lớp 6, học sinh đã bắt đầu được làm quen với văn bản nghị luận. Lên lớp 7, học sinh tiếp tục được học về văn bản nghị luận với 2 kiểu: nghị luận xã hội và nghị luận văn học. Mặc dù, chương trình Ngữ văn lớp 7 (2018) và người biên soạn sách cũng đã đưa ra những gợi ý để giúp giáo viên bớt khó khăn khi dạy học loại văn bản này, tuy nhiên, trong thực tế, không ít giáo viên vẫn cảm thấy lúng túng, vướng mắc khi dạy học văn bản nghị luận, đặc biệt đối với kỹ năng đọc hiểu. Trên cơ sở khảo sát yêu cầu cần đạt về dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận trong chương trình Ngữ văn lớp 7 và nội dung dạy học văn bản nghị luận trong ba bộ sách giáo khoa *Cánh Diều*, *Chân trời sáng tạo*, *Kết nối tri thức với cuộc sống*, bài viết đề xuất một số định hướng dạy học đọc hiểu loại văn bản này. Các nội dung phân tích của bài viết sẽ phần nào giúp giáo viên tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khi dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái quát về văn nghị luận

Theo Đỗ Ngọc Thống (2008), “Văn nghị luận là một thể loại nhằm phát biểu tư tưởng, tình cảm, thái độ, quan điểm của người viết một cách trực tiếp về văn học hoặc chính trị, đạo đức, lối sống... nhưng được trình bày bằng một thứ ngôn ngữ trong sáng, hùng hồn, với những lập luận chặt chẽ, mạch lạc, giàu sức thuyết phục” [5].

Dựa vào vấn đề nghị luận, văn nghị luận được chia thành hai kiểu: nghị luận văn học (vấn đề nghị luận là một vấn đề về văn học) và nghị luận xã hội (vấn đề nghị luận là một vấn đề xã hội như một tư tưởng, một đạo lí, một lối sống...). Dù là kiểu văn bản nghị luận nào thì chúng đều mang những đặc trưng chung của văn nghị luận.

Đặc trưng cơ bản của văn nghị luận là tính chất luận thuyết. Khác với văn bản văn học, văn nghị luận không sử dụng yếu tố hư cấu, tưởng tượng mà dựa vào tư duy logic nhằm trình bày tư tưởng, quan điểm nào đó của người viết. Nghị luận là bàn luận, là trình bày lí lẽ, là thuyết phục người đọc bằng lập luận lô gic chặt chẽ. Chính vì vậy, trong bài văn nghị luận, người viết cần biết cách lập luận. Có thể nói, lập luận chính là yếu tố quyết định giá trị của một bài văn nghị luận.

Xét về cấu trúc, một bài văn nghị luận thường gồm các yếu tố cơ bản: vấn đề nghị luận (luận đề), luận điểm, luận cứ và lập luận.

Luận đề trong bài văn nghị luận là vấn đề bao trùm cần được làm sáng tỏ, cần được đem ra bàn luận, để bảo vệ, để chứng minh trong toàn bộ bài viết. Trong nhiều bài nghị luận, luận đề thường được thể hiện ở ngay tiêu đề của bài viết, ví dụ: *Đức tính giản dị của Bác Hồ* (Phạm Văn Đồng).

L luận điểm là những ý kiến, quan điểm chính được nêu ra trong bài văn nghị luận. Các luận điểm trong bài văn nghị luận thường được sắp xếp, trình bày theo một hệ thống hợp lí, chặt chẽ nhằm làm sáng tỏ luận đề của bài văn nghị luận. Mỗi luận điểm lại được triển khai thành các luận cứ nhằm làm sáng tỏ luận điểm. Luận cứ chính là các lí lẽ và dẫn chứng cụ thể. Lập luận là sự tổ chức các luận điểm và luận cứ, lí lẽ và dẫn chứng nhằm làm sáng tỏ vấn đề, giúp người đọc hiểu và đồng tình với điều mà người viết đặt ra và giải quyết trong bài văn. Lập luận là yếu tố quyết định giá trị của một bài văn nghị luận.

Trên đây là những đặc trưng cơ bản của văn nghị luận, dựa vào đó, giáo viên có thể hướng dẫn học sinh tiếp nhận và giải mã văn bản.

2.2. Kết quả khảo sát các văn bản nghị luận trong SGK Ngữ văn 7

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát, thu thập ngữ liệu về các văn bản nghị luận trong SGK Ngữ văn 7 trong ba bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, *Chân trời sáng tạo*, *Cánh diều* và thu được kết quả như sau:

STT	Bộ sách	Số lượng	Tập	Chủ đề	Kiểu văn bản
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	8 bài	1	Đồng dao mùa xuân – một bài thơ xúc động về người lính (Nhóm biên soạn SGK) – tr.51	Nghị luận văn học
2			1	Con mèo tuyệt vời nhất thế giới (Nhóm biên soạn SGK) – tr.75	Nghị luận văn học
3			1	Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi (Vũ Quần Phương) – tr.96	Nghị luận văn học
4			2	Trường học đầu tiên (Bài làm của học sinh) – tr.16	Nghị luận xã hội
5			2	Việc lớn, việc nhỏ (Bài làm của học sinh) – tr.67	Nghị luận xã hội
6			2	Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê nội (Võ Quảng) - Trích Võ Quảng (Trần Thanh Địch) – tr.104	Nghị luận văn học
7			2	Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương (Nhóm biên soạn SGK) – tr.113	Nghị luận văn học
8			2	Hãy cảm lấy và đọc (Huỳnh Như Phương) tr.61	Nghị luận xã hội

1	Chân trời sáng tạo	6 bài	1	Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian (Trần Thị An) – tr.56	Nghị luận văn học
2			1	Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen” (Hoàng Tiến Tựu) – tr.59	Nghị luận văn học
3			1	Sức hấp dẫn của truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng (Minh Khuê) – tr.65	Nghị luận văn học
4			2	Tự học – Một thú vui bổ ích (Nguyễn Hiến Lê) – tr.6	Nghị luận xã hội
5			2	Bàn về đọc sách (Chu Quang Tiềm) – tr.6	Nghị luận xã hội
6			2	Đừng từ bỏ cố gắng (Trần Thị Cẩm Quyên) – tr.15	Nghị luận xã hội
1	Cánh diều	8 bài	1	Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam” (Bùi Hồng) – tr.84	Nghị luận văn học
2			1	Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” (Định Trọng Lạc) – tr.87	Nghị luận văn học
3			1	Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” (Lê Phương Liên) – tr.91	Nghị luận văn học
4			1	Về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên (Vũ Quân Phương) – tr.98	Nghị luận văn học
5			2	Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Hồ Chí Minh) – tr.37	Nghị luận xã hội
6			2	Đức tính giản dị của Bác Hồ (Phạm Văn Đồng) – tr. 40	Nghị luận xã hội
7			2	Tượng đài vĩ đại nhất (Uông Ngọc Dậu) – tr.43	Nghị luận văn học
8			2	Sự giàu đẹp của tiếng Việt (Đặng Thai Mai) – tr.49	Nghị luận xã hội

2.3. Nhận xét khái quát về các văn bản nghị luận trong SGK Ngữ văn 7

2.3.1. Về số lượng, các dạng bài nghị luận, cách sắp xếp văn bản nghị luận trong ba bộ sách

Về số lượng văn bản nghị luận: Sách Ngữ văn 7, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* và bộ *Cánh diều* đều có 8 văn bản, bộ *Chân trời sáng tạo* có 6 văn bản. Như vậy, có thể thấy, số lượng văn bản nghị luận trong ba bộ sách không chênh lệch nhau quá nhiều.

Về các dạng bài nghị luận: Khảo sát ba bộ sách, chúng tôi nhận thấy: Có hai kiểu văn bản nghị luận lớn đó là nghị luận văn học và nghị luận xã hội. Nghị luận văn học lại gồm nghị luận về một tác phẩm văn học (Ví dụ: *Đồng dao mùa xuân – một bài thơ xúc động về người lính* – Sách Ngữ văn 7 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* (tập 1, trang 51), *Sức hấp dẫn của truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng* – Ngữ văn 7, bộ *Chân trời sáng tạo* (tập 1, trang 65), *Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”* – Ngữ văn 7, bộ *Cánh diều* (tập 1, trang 87)...) và nghị luận về một nhân vật trong tác phẩm văn học (Ví dụ: *Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương* - Ngữ văn 7, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* (tập 2, trang 113), *Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian* – Sách Ngữ văn 7, *Chân trời sáng tạo* (tập 1, trang 56)...). Nghị luận xã hội có kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống. Ví dụ: *Việc lớn, việc nhỏ* - Sách Ngữ văn 7, *Kết nối tri thức với cuộc sống* (tập 2, trang 67), *Tự học – Một thú vui bổ ích* – Sách *Chân trời sáng tạo* (tập 2, trang 6), *Đức tính giản dị của Bác Hồ* - Sách *Cánh diều* (tập 2, trang 40)...

Tỉ lệ văn bản nghị luận xã hội và nghị luận văn học trong các bộ sách có sự chênh lệch đáng kể khi hầu hết các sách đều nghiêng về văn bản nghị luận văn học. Chẳng hạn, sách Ngữ văn 7 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* có 5 văn bản nghị luận văn học/8 văn bản nghị luận; sách Ngữ văn 7 *Cánh diều*: 5 văn bản nghị luận văn học/8 văn bản nghị luận. Riêng sách Ngữ văn 7 *Chân trời sáng tạo* thì tỉ lệ này được chia đều cho 2 loại: 3 văn bản nghị luận văn học, 3 văn bản nghị luận xã hội. Nhìn chung, trong cả ba bộ sách trên, các văn bản nghị luận văn học vẫn chiếm số lượng lớn hơn so với các văn bản nghị luận xã hội. Điều này cho thấy, các nhà biên soạn sách giáo khoa rất chú trọng đến việc giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học.

Về cách sắp xếp, bố trí các bài học về văn bản nghị luận:

Các bài học về văn bản nghị luận không được bố trí thành bài học kiến thức riêng về văn nghị luận mà được thiết kế hướng tới hình thành các năng lực, phẩm chất cần thiết cho học sinh. Những kiến thức cơ bản về văn bản nghị luận trong SGK Ngữ văn 7 đều được tích hợp vào các hoạt động đọc, viết, nói và nghe để trực tiếp phục vụ cho việc rèn luyện các kĩ năng này cho học sinh. Tuy nhiên, các bộ sách đều chú trọng cung cấp tri thức về loại văn bản này trước khi dạy học đọc hiểu hoặc dạy học viết.

Mặc dù, cách bố trí các bài học về văn bản nghị luận ở ba bộ sách khác nhau, dù theo cách trình bày bài riêng về văn bản nghị luận hay lồng ghép văn bản nghị luận vào các chủ đề bài học thì yêu cầu cần đạt khi dạy học văn bản nghị luận ở ba bộ sách đều giống nhau.

Bên cạnh những điểm giống nhau nói trên, các văn bản nghị luận trong ba bộ sách vẫn có những điểm khác biệt do quan điểm của người biên soạn sách, kết cấu bài học, chủ đề và cách bố trí, sắp xếp từng bài học. Những điểm khác biệt cụ thể như sau:

Trong SGK Ngữ văn 7 bộ *Cánh diều*, các văn bản nghị luận được xếp thành những chủ đề lớn với tên gọi cụ thể từng kiểu loại văn bản nghị luận: *Bài 4. Nghị luận văn học* (tập 1) và *Bài 8. Nghị luận xã hội* (tập 2). SGK Ngữ văn 7 bộ *Chân trời sáng tạo* sau tên mỗi chủ đề lớn đều có ghi chú cụ thể tên kiểu loại văn bản được dạy trong bài hoặc lồng ghép trong các bài dạy viết của từng chủ đề khác nhau: *Bài 3. Những góc nhìn văn chương* (Nghị luận văn học), *Bài 6. Hành trình tri thức* (Nghị luận xã hội). Với SGK Ngữ văn 7 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, các văn bản nghị luận không được bố trí thành bài học riêng mà được lồng ghép khéo léo vào từng chủ đề lớn khác nhau: Ví dụ văn bản *Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi* được lồng ghép vào bài 4. *Giai điệu đất nước* (tập 1), hoặc văn bản *Hãy cảm lấy và đọc* được lồng ghép trong Bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành* (tập 2) ...

Có thể thấy, tuy cách thức giới thiệu các văn bản nghị luận khác nhau nhưng cả ba bộ sách đều rất chú trọng đến việc lựa chọn các ngữ liệu để giảng dạy cho học sinh. Các ngữ liệu được sử dụng đều là các văn bản nghị luận tinh tuyển từ bài viết của các học giả, nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà báo, nhà phê bình, lí luận uy tín trong nước. Điều này, giúp học sinh có thể học hỏi được cách thức lập luận, kĩ năng và tư duy trong quá trình tạo lập văn bản nghị luận của bản thân. Bên cạnh đó, SGK Ngữ văn 7 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* còn đưa thêm các bài làm văn nghị luận xã hội của học sinh để làm ngữ liệu. Việc đưa bài làm của học sinh vào SGK giúp cho nguồn ngữ liệu trở nên phong phú, đa dạng và giàu màu sắc. Đồng thời, còn giúp cho học sinh có cái nhìn đa diện, nhiều chiều về văn bản nghị luận và việc tạo lập văn bản nghị luận của từng đối tượng khác nhau. Từ đó, học sinh có thể tự rút ra được những bài học kinh nghiệm cho bản thân khi thực hành các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đối với loại văn bản này.

Như vậy, có thể thấy, tuy các bộ sách giáo khoa có cách sắp xếp bài học, lựa chọn ngữ liệu khác nhau nhưng đều hướng tới mục đích chung là hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học cho học sinh thông qua các văn bản nghị luận trong SGK Ngữ văn 7.

2.3.2. Về mục đích hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản nghị luận

Tuy mỗi bộ sách có quan điểm khác nhau trong việc lựa chọn, sắp xếp văn bản nghị luận tùy thuộc vào quan điểm của nhóm biên soạn sách, song, mục đích dạy học đọc hiểu

loại văn bản này trước hết nhằm hình thành cho người học năng lực giao tiếp, năng lực văn học, năng lực thẩm mỹ và phẩm chất. Việc bố trí, sắp xếp các văn bản nghị luận trong ba bộ sách cũng thể hiện rõ nguyên tắc tích hợp. Chẳng hạn, đối với sách Ngữ văn 7 bộ *Cánh diều*, các văn bản nghị luận được đưa vào sách thường sử dụng các bài viết về các tác phẩm văn học đã học, nhằm giúp học sinh hiểu rõ hơn về văn bản đã học ở bài trước (Ví dụ: bài *Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam* trang 84 tập 1 làm rõ cho đoạn trích *Người đàn ông cô độc giữa rừng* trang 14, tập 1). Đối với sách Ngữ văn 7 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, các văn bản nghị luận thường được bố trí tích hợp với kĩ năng viết, ví dụ văn bản *Việc lớn việc nhỏ* trang 67, tập 2.

Mục đích cuối cùng của việc dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận cho học sinh là phát triển năng lực đọc hiểu văn bản này, tức là từ đọc hiểu văn bản nghị luận trong SGK, học sinh có thể đọc bất kì một văn bản nghị luận nào tương tự trong đời sống. Với mục đích như vậy, cách đặt câu hỏi, bố trí câu hỏi đọc hiểu văn bản ở ba bộ sách có những điểm tương đồng, vừa có những điểm khác biệt đáng kể. Cụ thể như sau:

Đối với sách Ngữ văn 7 bộ sách *Cánh diều*: Câu 1, 2 là câu hỏi về nội dung và nhan đề của văn bản. Câu 3, 4 là câu hỏi về lí lẽ, dẫn chứng của bài văn nghị luận. Câu 4 là câu hỏi về mục đích của văn bản, câu 5 là câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối.

Đối với sách Ngữ văn 7 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, các câu hỏi được sắp xếp như sau: Câu 1 là câu hỏi về nội dung và dấu hiệu để nhận biết nội dung của văn bản. Câu 2 là câu hỏi yêu cầu học sinh chỉ ra được các ý kiến được trình bày trong văn bản. Câu 3 là câu hỏi yêu cầu học sinh lí giải về thông điệp của bài viết, câu 4, là câu hỏi về lí lẽ, dẫn chứng của bài văn nghị luận; câu 6 là câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối.

Đối với sách Ngữ văn 7 bộ *Chân trời sáng tạo*, cách sắp xếp câu hỏi đọc hiểu có sự khác biệt với hai bộ sách trên. Ngay từ câu 1, sách đã yêu cầu học sinh xác định ý kiến lớn, ý kiến nhỏ của bài văn nghị luận dựa vào sơ đồ (Ví dụ: trang 61, tập 1). Đây thực chất là những câu hỏi về xác định luận đề, luận điểm của bài viết. Câu 2 là câu hỏi về lí lẽ và bằng chứng của bài văn nghị luận; câu 3 là câu hỏi về mục đích và nội dung của văn bản, câu 4 hỏi về tác dụng của việc sắp xếp các ý kiến trong bài viết, câu 5 là câu hỏi nhận diện về kiểu văn bản nghị luận, câu 6 là câu hỏi kết nối, liên hệ.

Qua những phân tích trên đây, có thể khẳng định, sự khác biệt về nội dung dạy học văn bản nghị luận ở ba bộ sách là không lớn, chủ yếu là những điểm tương đồng. Chính những điểm tương đồng như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho cả giáo viên và học sinh trong khi dạy và học loại văn bản này. Đây cũng là cơ sở thực tiễn để chúng tôi đề xuất một số định hướng về nội dung dạy học văn bản nghị luận ở cả ba bộ sách.

2.4. Định hướng dạy học văn bản nghị luận trong SGK Ngữ văn 7

2.4.1. Bám sát vào yêu cầu cần đạt của chương trình Ngữ văn lớp 7 (2018)

Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu nội dung: Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng; Xác định được mục đích và nội dung chính của văn bản

Yêu cầu đọc hiểu về hình thức: nhận biết đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; chỉ ra được mối liên hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

Liên hệ, so sánh, kết nối: Nêu những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản. [1, tr.45]

Từ yêu cầu cần đạt nói trên, khi dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận trong SGK Ngữ văn 7, giáo viên cần giúp học sinh nhận biết và chỉ ra được một số đặc điểm sau đây của văn nghị luận:

2.4.2. Thứ nhất, giúp học sinh nhận biết nội dung chính của bài văn nghị luận

Nội dung chính của bài văn nghị luận cũng chính là vấn đề được bàn luận trong văn bản. Vấn đề được bàn luận trong bài văn nghị luận còn gọi là luận đề. Về lí thuyết, “*Luận đề trong bài nghị luận là vấn đề bao trùm cần được làm sáng tỏ, cần được đem ra để bàn luận, để bảo vệ, để chứng minh trong toàn bộ bài viết*” [5]. Xác định được vấn đề cần nghị luận sẽ giúp người đọc thấu tóm được toàn bộ nội dung, chủ đề, mà người viết gửi gắm trong văn bản.

Khi dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận, để giúp học sinh nhận biết vấn đề cần nghị luận, giáo viên có thể hướng học sinh tập trung vào một số vị trí “mạnh” trong văn bản. Cụ thể là những vị trí sau:

- Nhan đề của bài văn nghị luận. Chẳng hạn, các văn bản nghị luận: *Đông dao mùa xuân – một bài thơ xúc động về người lính* (Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 1), *Con mèo tuyệt vời nhất thế giới* (Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 1), *Việc lớn, việc nhỏ* (Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2), *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê nội (Võ Quảng)* (Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2), *Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian* (Chân trời sáng tạo, tập 1), *Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”* (Chân trời sáng tạo, tập 1), *Tự học – Một thú vui bổ ích* (Chân trời sáng tạo, tập 2), *Bàn về đọc sách* (Chân trời sáng tạo, tập 2), *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”* (Cánh diều, tập 1), *Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”* (Cánh diều, tập 1), *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Cánh diều, tập 2), *Đức tính giản dị của Bác Hồ* (Cánh diều, tập 2)...

- Có khi luận đề lại được người viết thể hiện ở câu văn mở đầu hoặc câu văn kết thúc của mỗi văn bản. Chẳng hạn, văn bản *Trường học đầu tiên* (Kết nối tri thức với cuộc

sống, tập 2), luận đề nằm ngay ở câu văn mở đầu: “Tuần trước, cô giáo đã tổ chức cho lớp tôi thảo luận về đề tài: “Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi người” [3, tr.16]. Hay văn bản *Sức hấp dẫn của truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng* (Chân trời sáng tạo, tập 1), luận đề cũng nằm ngay ở câu văn mở đầu: “Chiếc lá cuối cùng là truyện ngắn nổi tiếng của nhà văn Ô. Hen – ri (O Henry). Đây là một truyện ngắn đặc sắc và hấp dẫn, để lại nhiều ấn tượng cho bạn đọc” [4, tr.65] Hoặc văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Cánh diều, tập 2), luận đề cũng nằm ở câu văn mở đầu: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, đó là một truyền thống quý báu của dân tộc ta” [6, tr.40].

- Đoạn văn kết thúc của văn bản cũng giúp người đọc nhận biết luận đề của bài văn nghị luận: “Và bởi vậy, truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* vẫn còn sống mãi trong lòng người đọc – vượt ra khỏi giới hạn không gian và thời gian” [4, tr.66].

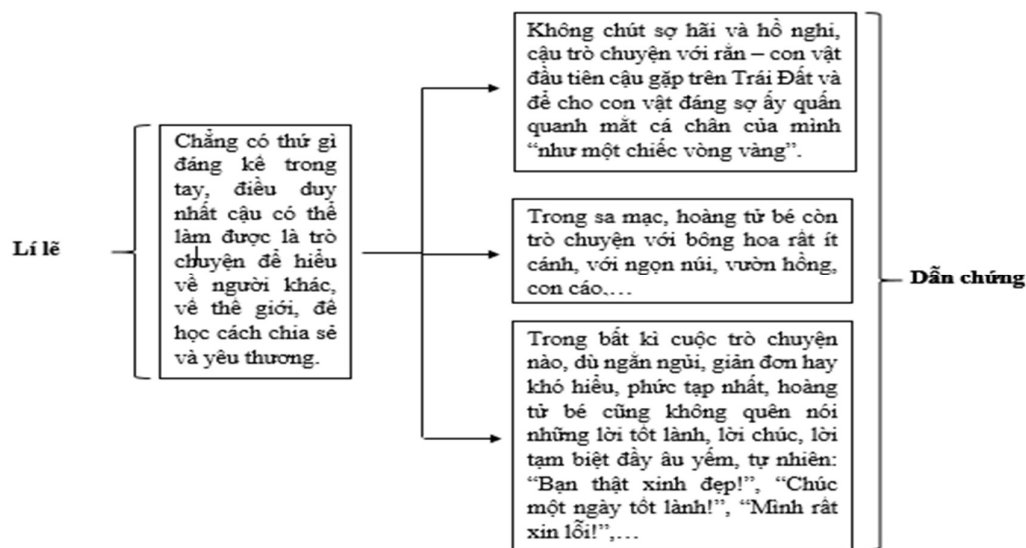
Như vậy, giáo viên cần lưu ý học sinh đọc kỹ văn bản ngay từ nhan đề tác phẩm để tìm hiểu vấn đề nghị luận. Bên cạnh đó, cũng cần chú ý vào các “vị trí mạnh” của văn bản như câu văn mở đầu, câu văn kết thúc, các từ khoá của văn bản (những từ ngữ xuất hiện nhiều lần trong văn bản) để xác định được rõ luận đề mà văn bản đang triển khai.

2.4.3. Thứ hai, giúp học sinh nhận biết các ý kiến, lí lẽ trong văn bản nghị luận

Sau khi xác định được nội dung chính của bài văn nghị luận, giáo viên cần giúp học sinh nhận biết được các lí lẽ và bằng chứng trong bài văn. Nói cách khác, giáo viên cần giúp học sinh trả lời các câu hỏi: Có những lí lẽ nào giúp làm sáng tỏ vấn đề cần nghị luận? Có những dẫn chứng nào làm sáng tỏ cho các lí lẽ?

Chẳng hạn, để làm sáng rõ cho luận điểm Hoàng tử bé luôn “không ngừng cố gắng để trò chuyện, ghi nhớ, hiểu về người khác và tìm cách để kết bạn” [3, tr.114], người viết đã đưa ra các lí lẽ và dẫn chứng cụ thể. Các lí lẽ và dẫn chứng này nhằm giúp cho người đọc thấy được rằng hoàng tử bé là một người luôn khát khao cháy bỏng được yêu thương, được thấu hiểu và sẻ chia đến mãnh liệt. Chính vì vậy, cho dù Hoàng tử bé đến từ một hành tinh xa xôi khác nhưng cậu vẫn trò chuyện thân mật với các sinh vật (giống loài) xa lạ trên Trái Đất: con rắn, bông hoa ít cánh, ngọn núi, vườn hồng, con cáo... mà dường như không có bất kì rào cản ngôn ngữ nào ở đây. Có thể thấy, hoàng tử bé là một cậu bé có tấm lòng vị tha, bao dung, giàu lòng trắc ẩn và luôn biết đồng cảm với mọi người xung quanh. Chính cái khát khao giao cảm của cậu đã giúp gắn kết cậu bé với tất cả những sinh vật mà cậu bắt gặp trên chuyến hành trình của mình tại Trái Đất.

Các lí lẽ và bằng chứng trên được chúng tôi biểu thị qua sơ đồ dưới đây:



Trong văn bản *Đình từ bỏ cố gắng* (Sách Ngữ văn 7, Chân trời sáng tạo, tập 2, trang 16) để làm sáng tỏ vấn đề cần nghị luận “Muốn thành công, con người cần phải biết nỗ lực phấn đấu”, tác giả bài viết đã đưa ra ba luận điểm:

- Luận điểm 1: Thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.

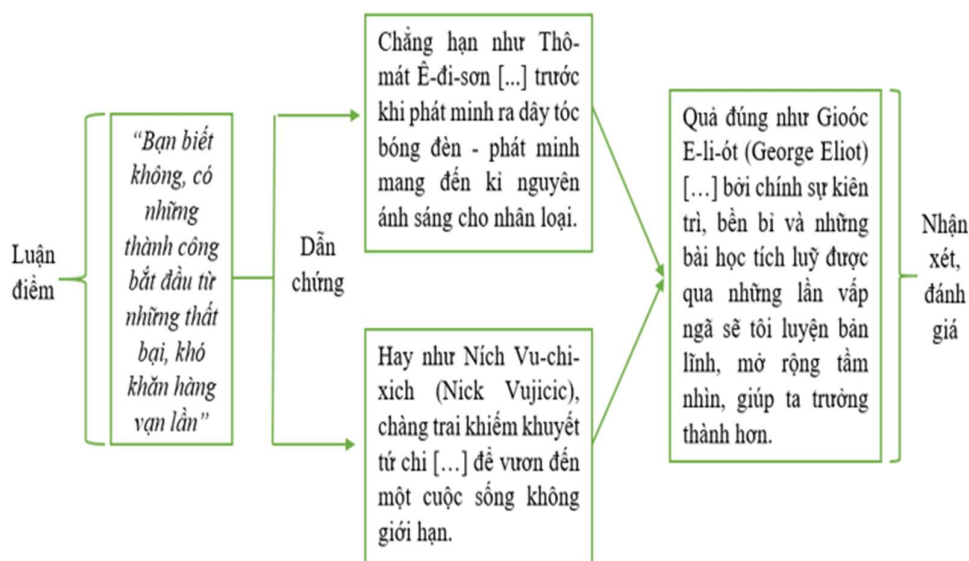
- Luận điểm 2: Kiên trì, nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng.

- Luận điểm 3: Những thành công luôn bắt đầu từ những thất bại, khó khăn hàng vạn lần.

- Luận điểm 4: Can đảm đối mặt với khó khăn, thất bại và đừng bao giờ từ bỏ cố gắng.

Để làm sáng tỏ các luận điểm này, tác giả lại đưa ra những lí lẽ và dẫn chứng cụ thể để phân tích, thuyết phục người đọc. Chẳng hạn ở luận điểm 3: “*Bạn biết không, có những thành công bắt đầu từ những thất bại, khó khăn hàng vạn lần*”, tác giả đã lấy dẫn chứng về cuộc đời nhà bác học Tô-mát Ê-đi-son (Thomas Edison) và chàng trai khiếm khuyết tứ chi Ních Vu-chi-xích (Nick Vujicic). Từ các dẫn chứng trên, người viết đi đến khẳng định: “*Quả đúng như Gióc Ê-li-ót (George Eliot) từng nói: “Thất bại duy nhất mà ta nên sợ, đó là không bám lấy mục tiêu mà họ biết là tốt nhất”* [4, tr.16]. Từ đó, tác giả cũng đưa ra những lời bình luận, nhận xét (thao tác lập luận bình luận) xác đáng: “*Câu*

chuyện của Tô-mát Ê-đi-son và Ních Vu-chi-xích đã cho ta một bài học quý giá: đừng bao giờ từ bỏ nỗ lực và ước mơ, bởi chính sự kiên trì, bền bỉ và những bài học tích lũy được qua những lần vấp ngã sẽ tôi luyện bản lĩnh, mở rộng tầm nhìn, giúp ta trưởng thành hơn” [4, tr.16]. Như vậy, có thể thấy, các lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả đưa ra đều hướng vào vấn đề cần nghị luận cần phải biết cố gắng. Sơ đồ tư duy dưới đây sẽ giúp giáo viên và học sinh hình dung ra mối quan hệ của các lí lẽ và dẫn chứng trong luận điểm 3.



Hình 3.1.2. Các lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản *Đừng từ bỏ cố gắng!*

Giúp học sinh nhận biết được các lí lẽ, dẫn chứng của bài văn nghị luận là một trong những “trọng trách” nặng nề của giáo viên. Vì vậy, bên cạnh việc xác định các nội dung dạy học, giáo viên cũng cần linh hoạt sử dụng các phương pháp và các phương tiện dạy học khác nhau nhằm đạt được kết quả nói trên. Các phương pháp như vấn đáp, thuyết trình, kết hợp với các phương tiện dạy học như phiếu học tập, sơ đồ tư duy... sẽ giúp học sinh thuận lợi hơn trong việc tiếp nhận loại văn bản này.

2.4.4. Thứ ba, giúp học sinh nhận biết mục đích của bài văn nghị luận và mối quan hệ giữa mục đích với các phần trong văn bản

Mục đích của bài văn nghị luận giúp trả lời câu hỏi: “Văn bản này viết ra để làm gì?”, hoặc “Văn bản bàn về vấn đề này nhằm mục đích gì?”. Căn cứ vào mục đích chung của văn bản nghị luận là nhằm “thuyết phục người đọc, người nghe”, giáo viên có thể giúp học sinh trả lời câu hỏi về mục đích của bài văn nghị luận ứng với từng bài văn cụ thể. Yêu cầu cần đạt này buộc giáo viên phải hướng dẫn HS đọc kĩ bài văn, tìm ra các lí lẽ để làm sáng tỏ mục đích nghị luận.

Chẳng hạn, mục đích của bài *Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa* (Sách Ngữ văn 7 bộ Cánh diều, tập 1) là nhằm thuyết phục người đọc/người nghe thấy được vẻ đẹp về nội dung và hình thức của bài thơ Tiếng gà trưa. Các phần, các đoạn trong bài viết đều tập trung làm sáng tỏ vẻ đẹp nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ. Ở đoạn 1, để làm nổi bật vẻ đẹp hình thức nghệ thuật của bài thơ, tác giả bài viết đã tập trung phân tích âm thanh tiếng gà nhảy ổ qua các biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, lặp động từ “nghe”, lặp âm, sử dụng dấu chấm lửng. Nhờ vậy, tác giả đã làm nổi bật âm thanh xao động của tiếng gà trưa. Tiếng gà như ngưng lại, kéo ta về với miền kí ức và những hoài niệm đẹp đẽ của tuổi thơ. Ở đoạn 2, người viết đã phân tích vẻ đẹp ngôn từ và các đặc trưng nghệ thuật trong khổ thơ thứ hai. Ông phân tích: Xuân Quỳnh đã tinh tế, khéo léo khi sử dụng kết cấu sóng đôi, lặp từ vựng, đảo ngữ, hình thức thơ đan xen một câu kể với một câu tả để người đọc có thể tưởng tượng ra một thế giới của hình ảnh và màu sắc. Đó là thế giới nên thơ, đẹp lộng lẫy, rực rỡ với hình ảnh của những cô gà mái mơ khắp mình hoa đốm trắng, những cô gà mái vàng lông óng như nắng bên những ổ rom hồng những trứng với những tiếng gà gáy trưa. Ở đoạn 3, tác giả tiếp tục phân tích nét khác biệt về nhịp thơ trong khổ thơ thứ ba. Tuy cùng một khổ thơ nhưng mỗi câu thơ lại có một cách ngắt nhịp khác nhau tạo nên nhịp điệu chậm rãi đầy chất suy tưởng và chứa chan tình cảm của anh bộ đội dành cho bà. Ở đoạn 4, tác giả Đinh Trọng Lạc đã cho thấy được tình cảm thiêng liêng, cao quý, sâu sắc của anh bộ đội dành cho người bà. Tác giả cũng chỉ ra rằng, việc lặp lại nhiều lần từ “vì”, Xuân Quỳnh đã nhấn mạnh ý chí chiến đấu mạnh mẽ vì Tổ quốc, nhân dân trong đó có bà với bao kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ trong anh bộ đội. Như vậy, ở mỗi đoạn, tác giả đều bắt đầu bằng việc chỉ ra các dấu hiệu hình thức ngôn từ, các biện pháp nghệ thuật, sau đó, nêu lên tác dụng của nó trong việc thể hiện vẻ đẹp nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ Tiếng gà trưa của thi sĩ Xuân Quỳnh. Nhờ vậy, toàn bài viết tập trung làm nổi bật vẻ đẹp của bài thơ *Tiếng gà trưa*.

Hoặc bài *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê nội (Võ Quảng)* (Sách Ngữ văn 7, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2) giúp cho người đọc thấy được vẻ đẹp giản dị, chân thật, những sự thay đổi về nếp sống, không khí làng quê ở nông thôn miền Trung – cụ thể là thôn Hoà Phước – sau Cách mạng tháng Tám thành công. Ở đó, có những con người hồn hậu, chất phác, đậm chất dân dã với những nét đặc trưng của người nông dân miền Trung. Từ đó, người viết nhằm thuyết phục người đọc/người nghe thấy được bức tranh đời sống nông thôn miền Trung và sự khởi sắc của đất nước, con người sau thành công vang dội, đầy vẻ vang của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Các phần, các đoạn trong nội dung bài viết đều tập trung làm sáng tỏ vẻ đẹp chân chất, hồn hậu, gần gũi mà đượm nồng tình người, tình quê qua hình ảnh nông thôn và con người miền Trung trong *Quê nội* (Võ Quảng).

Để giúp học sinh nhận biết mục đích của văn bản nghị luận và mối liên hệ giữa mục đích với các phần của bài văn, giáo viên cũng cần kết hợp nhiều phương pháp, phương tiện dạy học khác nhau. Chẳng hạn, đặt câu hỏi về mục đích của văn bản (Tác giả viết văn bản này để làm gì? Tác giả muốn đối thoại điều gì với người đọc/người nghe qua văn bản? v.v...). Phiếu học tập, sơ đồ tư duy là những gợi ý tốt để giáo viên có thể áp dụng cho nhiệm vụ học tập này.

3. KẾT LUẬN

Tóm lại, nội dung dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận trong SGK Ngữ văn 7 ở ba bộ sách *Cánh diều*, *Kết nối tri thức với cuộc sống*, *Chân trời sáng tạo* vừa có điểm tương đồng vừa có điểm khác biệt. Những khác biệt đó là do quan điểm của người biên soạn sách, do cấu trúc của sách, do kết cấu bài học và cách bố trí, sắp xếp nội dung từng bài học. Tuy có những khác biệt như vậy, nhưng khi dạy học đọc hiểu loại văn bản này, giáo viên giảng dạy ở ba bộ sách khác nhau vẫn cần có sự thống nhất trong khi khai thác nội dung văn bản, nhằm giúp học sinh lĩnh hội hiệu quả loại văn bản này. Tất cả nhằm đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình khi dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
2. Lưu Thị Trường Giang (2015), *Dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận ở trường phổ thông*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
3. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2022), *Ngữ văn 7 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)*, Tập 1, 2, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (Đồng chủ biên) (2022), *Ngữ văn 7 (Bộ Chân trời sáng tạo)*, Tập 1, 2, Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), (2008), *Làm văn*, Nxb Đại học Sư phạm.
6. Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên) (2022), *Ngữ văn 7 (Bộ Cánh diều)*, Tập 1, 2, Nxb Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.

**CHARACTERISTICS OF DISCUSSION TEXTS IN GRADE 7 LANGUAGE BOOK AND
COMPREHENSION TEACHING ORIENTATION**

Do Thi Thu Huong, Nguyen Duc Huynh

Abstract: *Discourse text is a type of writing in which the writer uses his/her arguments, evidence and understanding to explain, analyze, evaluate, comment or argue a certain issue in the field. ideological, social or literary, in order to make the reader understand and believe in the problem, then take action on the problem. According to the 2018 Literature Program, the number of argumentative texts will continue to increase and students will be familiar with this type of writing from the 7th grade. In this article, we focus on pointing out the characteristics of this type of writing. Discourse texts in Textbook of Literature 7 in all three sets of Canh dieu, Chan troi sang tao, and Ket noi tri thuc voi cuoc song. From there, propose comprehension teaching orientations suitable to the genre characteristics of this type of text. The article uses the following methods and methods: Descriptive methods, analytical methods and statistical and classification methods.*

Keywords: *characteristics, texts, arguments, Textbook of Literature 7, orientation, teaching, comprehension.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-3-2023; ngày phản biện đánh giá: 25-3-2023; ngày chấp nhận đăng: 06-4-2023)